

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/DS-PT

Ngày 17 – 8 - 2018

V/v tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Châu Việt Thanh

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị G, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đồng bị đơn:* Ông Liêu Tập T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Bà Đặng Thị T, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, ấp H, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

NLQ1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp PĐ, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NLQ2, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp BC, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NLQ3, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp BC, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NLQ4, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp H, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người làm chứng:*

NLC1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp CĐ, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NLC2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp PĐ, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NLC3, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp T, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NLC4, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp H, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị G trình bày: Trong khoảng năm 2015 vợ chồng ông Liêu Tập T và bà Đặng Thị T có tham gia các dây hụi do bà làm chủ, sau khi hốt đã không đóng lại hụi chết cụt thể như sau:

- Hụi 2.000.000 đồng gồm 30 chung, khai ngày 10 tháng 01 năm 2015 (âm lịch), mỗi tháng khai 01 lần, bà T và ông T tham gia 01 chung, đến kỳ khai thứ 06 hốt, sau đó đóng lại được 04 kỳ hụi chết thì ngưng, còn lại 20 kỳ tương ứng số tiền 40.000.000 đồng, bà đã xuất tiền ra trả thay. Dây hụi hiện nay đã mất.

- Hụi 1.000.000 đồng gồm 30 chung, khai ngày 30 tháng 02 năm 2015 (âm lịch), mỗi tháng khai 01 lần, bà T và ông T tham gia 01 chung, đến kỳ khai thứ 05 hốt, sau đó đóng lại được 05 kỳ hụi chết thì ngưng, còn lại 20 kỳ tương ứng số tiền 20.000.000 đồng, bà đã xuất tiền ra trả thay. Dây hụi hiện nay đã mất.

- Hụi 500.000 đồng gồm 50 chung, khai ngày 30 tháng 02 năm 2015 (âm lịch), mỗi tháng khai 01 lần, bà T và ông T tham gia 02 chung, đến kỳ khai thứ 02 và thứ 06 lần lượt hốt, sau đó đóng lại 12 kỳ hụi chết thì ngưng, còn lại 38 kỳ, tuy nhiên bà đã xuất tiền ra trả thay được 25 kỳ x 02 chung tương ứng số tiền 25.000.000 đồng. Nay bà chỉ yêu cầu số tiền đã xuất ra trả thay là 25.000.000 đồng, đối với số tiền của 13 kỳ hụi chưa mất bà không yêu cầu, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bà sẽ yêu cầu giải quyết tiếp thành vụ kiện khác.

- Hụi 300.000 đồng gồm 40 chung, khai ngày 10 tháng 7 năm 2014 (âm lịch), mỗi tháng khai 01 lần, bà T và ông T tham gia 02 chung, đến kỳ khai thứ 10 hốt cả hai chung, còn lại 30 kỳ hụi chết x 02 chung tương ứng số tiền 18.000.000 đồng, bà đã xuất tiền ra trả thay. Dây hụi hiện nay đã mất.

- Hụi 300.000 đồng gồm 48 chung, khai ngày 15 tháng 5 năm 2014 (âm lịch), mỗi tháng khai 01 kỳ, bà T và ông T tham gia 01 chung, đến kỳ khai thứ 10

hốt, còn lại 38 kỳ tương ứng số tiền 11.400.000 đồng bà đã xuất tiền ra trả thay. Dây hụi hiện nay đã mãn.

- Hụi 1.000.000 đồng gồm có 35 chung, khai ngày 10 tháng 9 năm 2015 (âm lịch), mỗi tháng khai 01 lần, bà T và ông T tham gia 01 chung, đến kỳ khai thứ 02 hốt, sau đó đóng lại được 04 kỳ hụi chết thì ngưng, còn lại 29 kỳ hụi chết tương ứng với số tiền 29.000.000 đồng, bà đã xuất tiền ra trả thay, dây hụi hiện nay đã mãn, tuy nhiên trong sổ mở hụi ghi tên mẹ ruột bà T, nay bà T không thừa nhận nên bà rút lại không yêu cầu số tiền của dây hụi này.

Tổng số tiền hụi bà T và ông T còn thiếu bà là 114.400.000 đồng. Bà T đã trả cho bà được 38.900.000 đồng cụ thể: Trừ tiền đối với NLQ4 700.000 đồng; bà T trả nợ cho NLQ2 thay cho bà 13.200.000 đồng; bà T trả nợ cho NLQ3 thay cho bà 7.000.000 đồng; Mượn của NLC2 trả cho bà 7.000.000 đồng; Mượn của NLC3 trả cho bà 2.000.000 đồng; Trừ tiếp trả cho bà 2.000.000 đồng; bà T trả nợ cho bà NLQ1 thay cho bà số tiền 7.000.000 đồng.

Như vậy sau khi đối trừ các khoản trên thì bà T và ông T còn nợ bà số tiền 75.500.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà T, ông T trả toàn bộ số tiền trên, không yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ từ trước đến nay, chỉ yêu cầu tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Bà rút lại yêu cầu bà T và ông T giao trả phần đất cho thuê với diện tích 5,5 công.

Đồng bị đơn ông Liêu Tập T và bà Đặng Thị T thống nhất trình bày:

Ông bà thống nhất với lời trình bày của Phạm Thị G về các dây hụi và số tiền nợ hụi. Tổng số tiền hụi là 114.400.000 đồng, tuy nhiên vợ chồng bà đã trả được 95.000.000 đồng, chỉ còn nợ 19.400.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, không đồng ý trả 75.500.000 đồng như ý kiến trình bày của bà G.

Những khoản tiền bà đã trả cho bà G cụ thể như sau: Mượn của bà NLC1 trả cho bà G 10.000.000 đồng; Mượn của bà NLQ1 trả cho bà G 7.000.000 đồng; Trả nợ cho NLQ2 thay cho bà G 13.200.000 đồng; Trả nợ cho NLQ3 thay cho bà G 7.000.000 đồng; Mượn của NLC2 trả cho bà G 7.000.000 đồng; Mượn của NLC3 trả cho bà G 2.000.000 đồng; Trừ tiền đối với NLQ4 700.000 đồng; Mượn của NLC4 trả cho bà G 5.000.000 đồng; Trả trực tiếp cho bà G số tiền 23.100.000 đồng; Bà G hốt hai chung hụi của bà số tiền 20.000.000 đồng chưa giao lại nên đối trừ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm: 15/2018/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 229; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biểu, phùng; Nghị quyết 326, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G.

Buộc bà Đặng Thị T, ông Liêu Tập T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền cho bà Phạm Thị G là 75.500.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 82.900.000 đồng và yêu cầu giao trả 5,5 công đất theo hợp đồng thuê đất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, Luật Thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 5 năm 2018 bị đơn bà Đặng Thị T kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Bà Phạm Thị G giữ lại của bà 01 chung hội 500.000 đồng và 01 chung hội 300.000 đồng không cho bà hót, bà G nói rằng bà G hót 02 chung hội này được 20.000.000 đồng. Ngày bà hót dây hội 2.000.000 đồng đóng trực tiếp cho bà G 21.100.000 đồng. Trừ đi 02 khoản tiền này thì bà chỉ còn thiếu của bà G số tiền 34.400.000 đồng chứ không phải 75.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu, chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị T đối với số tiền đã trả cho bà Phạm Thị G là 21.040.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị G và bà Đặng Thị T thống nhất xác định bà T có tham 05 dây hội do bà G làm chủ. Tổng số nợ hội bà T nợ bà G là 114.400.000 đồng. Do đó, đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà G xác định bà T đã trả được cho bà 38.900.000 đồng, còn thiếu lại 75.500.000 đồng. Phía bà T xác định đối với dây hội thứ tư bà tham gia 02 chung, đến kỳ thứ 8 hót chung thứ nhất, còn 01 chung chưa hót. Đối với chung thứ nhất đã hót đóng lại được 12 kỳ hội chết, còn 38 kỳ hội chết chưa đóng. Chung thứ hai đóng đến kỳ thứ 21 thì bà G hót của bà, bà nghe bà G nói hót được 12.000.000 đồng và bà G lấy 12.000.000 đồng đóng lại hội chết của chung thứ hai cho bà. Do đó, đến kỳ thứ 22 bà không còn đóng hội chết nữa. Dây hội này hiện nay chưa mãn

còn lại 13 kỳ. Bà không đồng ý việc bà G cho rằng bà còn thiếu 25 kỳ hụi chết x 02 chung = 25.000.000 đồng vì bà chỉ còn thiếu chung thứ nhất là 25 kỳ hụi chết (trong đó còn 13 kỳ chưa mãn 38 kỳ - 13 kỳ = 25 kỳ = 12.500.000 đồng); số tiền chung hụi thứ hai bà đóng được 20 kỳ = 10.000.000 đồng. Do đó, đây hụi này bà chỉ còn thiếu lại bà G số tiền 12.500.000 đồng – 10.000.000 đồng = 2.500.000 đồng. Nếu bà G trả lại cho bà số tiền đã hốt của chung thứ hai là 12.000.000 đồng thì bà mới đồng ý trả cho bà G số tiền 25.000.000 đồng theo yêu cầu của bà G. Đối với đây hụi thứ năm bà tham gia 01 chung, bà đóng đến kỳ thứ 20 và đến kỳ thứ 21 bà không hốt mà bà G hốt, bà nghe bà G nói là hốt được 8.000.000 đồng. Số tiền hụi chết về sau bà không đóng nữa, bà G có đóng hay không thì bà không biết. Bà không đồng ý việc bà G cho rằng bà còn thiếu lại số tiền 11.400.000 đồng. Nếu bà G trả lại cho bà 8.000.000 đồng tiền hụi đã hốt của bà thì bà mới đồng ý trả cho bà G số tiền 11.400.000 đồng. Lý do bà G hốt tiền hụi của bà là để dẫn tiền lại sợ bà không đóng hụi chết. Ngoài số tiền bà trả cho bà G theo bà G trình bày là 38.900.000 đồng thì bà còn trả cho bà G thêm 21.100.000 đồng. Do đó, bà chỉ còn thiếu lại bà G số tiền 114.400.000 đồng – (38.900.000 đồng + 20.000.000 đồng + 21.100.000 đồng) = 34.400.000 đồng.

[4] Bà T khai nhận khi bà bỏ thăm để hốt hai chung hụi trên thì bà G không cho bà bỏ thăm. Lời khai này mâu thuẫn với lời khai của bà tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 114): “*Khi tôi đi làm thuê ở SG về thì G nói đã hốt hết 2 chung được 20 triệu tôi cũng đồng ý nhưng bà G không kê để đối trừ tiền nợ cho tôi*”. Bởi lẽ, khi thì bà T khai bà đi SG ở nhà bà G hốt hụi của bà, khi thì khai quy ước khui hụi là các hụi viên trực tiếp tham gia và khi bà trực tiếp bỏ hụi thì bị bà G bỏ thăm ra. Tại cấp phúc thẩm bà T đề nghị Tòa án xác minh những người làm chứng cho bà như bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn Đ, ông Nguyễn Hữu K vì họ chứng kiến việc khi khui hụi bà G bỏ thăm của bà ra không cho bà bỏ hụi. Tại Đơn xin làm chứng (bút lục 204, 205, 206) bà N, bà Đ, ông Đ xác định có nghe bà G nói dẫn hụi của bà T, tuy nhiên họ không trực tiếp chứng kiến việc bà T và bà G có thỏa thuận dẫn hụi nên lời trình bày của những người làm chứng này chưa đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét và Tòa án cấp phúc thẩm cũng không chấp nhận yêu cầu xác minh những người làm chứng nêu trên theo yêu cầu của bà T vì họ đã có lời trình bày tại Đơn xin làm chứng. Tại phiên tòa, bà T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T.

[5] Bà T xác định bà đã trả cho bà G được thêm 21.100.000 đồng và cung cấp giấy ghi hụi (bút lục 182). Tuy nhiên, giấy ghi hụi này không T hiện nội dung là bà T đã trả cho bà G số tiền 21.100.000 đồng và phía bà G không thừa nhận. Nay bà T không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà T mà chỉ có căn cứ chấp nhận theo sự thừa nhận của bà G là bà T đã trả cho bà G được 38.900.000 đồng và số tiền bà T còn nợ bà G là 114.400.000 đồng – 38.900.000 đồng = 75.500.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà T, ông T trả lại cho bà G số tiền 75.500.000 đồng là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật.

Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu, bà Phạm Thị G được nhận lại 3.960.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng, bà Đặng Thị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0011172 ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện ĐH;
- CCTHADS huyện ĐH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Túy Giang

Châu Việt Thanh

Nguyễn Lệ Kiều